

**MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM - QUY ĐỊNH MANG TÍNH NHÂN VĂN THỂ HIỆN SỰ PHÙ HỢP CỦA PHÁP LUẬT THẾ KỶ XXI**

*NGUYỄN THỊ LÊ HUYỀN\**

*Ngày nhận bài: 10/04/2018*

*Ngày phản biện: 17/04/2018*

*Ngày đăng bài: 15/06/2018*

**Tóm tắt:**

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một trong những quy định mang tính nhân văn của Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD). Quy định này góp phần tạo điều kiện cho những cặp vợ chồng vô sinh, hiếm muộn có thể làm cha, mẹ cả về phương diện thực tiễn và pháp lý - khi mà các cơ hội để họ có thể thực hiện quyền thiêng liêng này đều bế tắc. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích những quy định mang tính nhân văn trong quy định pháp lý này. một trong những yếu tố góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, thể hiện sự phù hợp với xu thế đổi mới quy định của pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:**

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

**Abstract:**

Pregnancy for the purpose of humanitarian is one of the humanitarian provisions of the Law on Marriage and Family (M&F). This provision makes it possible for infertile couples, infertile couples, to be fathers and mothers practically and legally - where opportunities exist for them to exercise this sacred right deadlocked. Within the scope of this paper, the author focuses on analyzing the humanitarian provisions of this legal regulation, one of the factors contributing to the improvement of the Vietnamese legal system, which is the new regulations of the law in the current period.

**Keywords:**

Pregnancy for the purpose of humanitarian, Law on Marriage and Family 2014.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều sự biến động như hiện nay, sự thay đổi của pháp luật cho phù hợp với xu thế toàn cầu hóa đã trở thành một yêu cầu tất yếu. Theo đó, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về HN&GD nói riêng cũng đã có sự điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu ấy. Trong đó, vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một trong những quy định khá mới tại Việt Nam. Vấn đề này mới chỉ được pháp luật Việt Nam ghi nhận và cho phép thực hiện sau khi Luật HN&GD 2014 có hiệu lực (1/1/2015). Điều này được xem là một trong những quy định mang tính nhân văn của pháp luật, thể hiện sự phù

---

\* ThS., Giảng viên Khoa Luật Dân sự - Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: huyenntl@hul.edu.vn

hợp trong phương hướng đổi mới quy định của pháp luật trước những thách thức của thế kỷ XXI. Bởi lẽ, quyền con người về HN&GD đã và đang được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới như là bộ phận cấu thành cơ bản nhất trong nhóm quyền con người về dân sự nói riêng, quyền con người nói chung. Tôn trọng, thực thi và bảo vệ quyền con người về HN&GD đã thực sự là tiêu chí để đánh giá tiến bộ xã hội không chỉ mang tính quốc gia mà còn mang tính toàn cầu. Do vậy, cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một trong những quy định thể chế hóa quy định của Hiến pháp trong việc bảo vệ quyền con người<sup>1</sup>; đảm bảo quyền làm cha, làm mẹ của những cặp vợ chồng mà vì lý do nào đó không thể mang thai tự nhiên hoặc thậm chí là ngay cả khi thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Đây là sự thay đổi sâu sắc của pháp luật rất cần được trân trọng và ghi nhận. Việc quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo trong Luật HN&GD 2014 là một bước tiến tích cực, mở rộng cơ hội cho những cặp vợ chồng không có khả năng sinh con được làm cha, làm mẹ của những đứa con có cùng huyết thống với bản thân mình. Đồng thời, quy định này là cần thiết và kịp thời khi nạn "đẻ thuê, đẻ mướn", buôn bán trẻ sơ sinh cũng đang ngày càng phát triển trong xã hội.

### **1. Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Quy định nhằm bảo vệ quyền làm cha, mẹ - quyền cơ bản và thiêng liêng của con người**

Mang thai hộ là vấn đề không mới về mặt thực tiễn. Thuật ngữ mang thai hộ (surrogacy) đã tồn tại từ rất lâu, nhưng việc mang thai hộ thật sự chỉ có thể thực hiện sau khi con người thực hiện thành công kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. Trên thế giới, trường hợp mang thai hộ chính danh đầu tiên được báo cáo tại Mỹ (1985)<sup>2</sup>. Ngày nay, cùng với sự tiến bộ vượt bậc của y học hiện đại, mang thai hộ đã trở thành nhu cầu có thực của không ít các cặp vợ chồng hiếm muộn. Mặc dù đến thời điểm hiện tại, quan điểm về vấn đề cho phép hay không cho phép mang thai hộ tại nhiều quốc gia trên thế giới vẫn tồn tại nhiều ý kiến trái chiều<sup>3</sup>. Ở Việt Nam, vấn đề này cũng không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, xét dưới phương diện pháp lý, việc điều chỉnh và xây dựng cơ chế đảm bảo thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một vấn đề hoàn toàn mới ở nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp nói chung và xây dựng quy phạm pháp luật HN&GD nói riêng, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã được ghi nhận và pháp điển hóa tại các Điều từ Điều 94 đến Điều 100 Luật HN&GD 2014. Theo đó, khái niệm mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được đề cập ngay tại Khoản 22

---

<sup>1</sup> Xem Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013.

<sup>2</sup> Xem Hồ Mạnh Tường, *Mang thai hộ - những điều cần biết*, <https://vov.vn/suc-khoe/mang-thai-ho-nhung-dieu-can-biet-343589.vov>, Truy cập ngày 06/8/2014.

<sup>3</sup> Trên thế giới hiện nay, quan điểm về mang thai hộ được chia thành bốn nhóm quốc gia cơ bản: (1) Nhóm các quốc gia tuyệt đối không cho phép mang thai hộ, ví dụ: Pháp, Đức,...; (2) Nhóm các quốc gia chỉ cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, ví dụ: Việt Nam, Canada, Australia...; (3) nhóm các quốc gia ghi nhận mang thai hộ cả vì mục đích nhân đạo lẫn mục đích thương mại, vd: Thái Lan, Ấn Độ...; (4) Nhóm quốc gia không ghi nhận. - Bộ Tư pháp, *Kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề lớn được quy định trong Luật HN&GD (sửa đổi)*, *Hồ sơ dự án Luật Hôn nhân và gia đình 2014*, tr.8

Điều 3 Luật HN&GD 2014: “*Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai để người này mang thai và sinh con*”. Trước đây, Nghị định 12/2003/NĐ-CP ngày 12/2/2003 của Chính phủ quy định về việc sinh con theo phương pháp khoa học đã đề cập đến vấn đề này, song lại quy định rằng “*nghiêm cấm mang thai hộ*”<sup>4</sup>. Khi pháp luật quy định nghiêm cấm thực hiện thì việc các cặp vợ chồng vô sinh tìm đến giải pháp mang thai hộ được xem như là một nhu cầu thực tiễn và rất khó có thể hạn chế trong xã hội. Bởi theo lẽ thường, khát khao có được một đứa con sinh ra mang cùng huyết thống với chính mình là một nguyện vọng chính đáng của bất kỳ cá nhân nào. Do đó, một khi bản thân người phụ nữ - người vợ không thể mang thai vì lý do mắc bệnh hiểm nghèo, không có tử cung, tử cung không có khả năng giữ thai nhi,... nhưng chính bản thân họ vẫn có đủ các điều kiện về mặt sinh học khác để có thể kết hợp tạo phôi sinh con thì việc họ áp dụng biện pháp nhờ người khác mang thai hộ như một giải pháp mang tính chất ưu việt nhất là điều dễ hiểu. Song, trước đây, do những rào cản về mặt pháp lý, mang thai hộ chủ yếu được thực hiện dưới hình thức “*đẻ thuê*”, “*đẻ mượn*” dưới dạng các hợp đồng, có nghĩa là việc mang thai hộ vì mục đích thương mại<sup>5</sup> được thực hiện một cách phi pháp thì những hệ lụy của vấn đề này trở nên khá phức tạp, tạo nên những rủi ro cho các chủ thể và ngay cả bản thân đứa trẻ được sinh ra. Thậm chí, trong một số trường hợp, việc thực hiện mang thai hộ nhưng đem lại kết quả không mong đợi như đứa trẻ sinh ra bị down, hay mắc các chứng bệnh khác mà cả người mang thai và người nhờ mang thai đều không muốn nhận con thì vấn đề này còn có thể trở thành những gánh nặng cho xã hội. Thậm chí, một số cặp vợ chồng còn thực hiện quyết tâm của mình bằng việc ra nước ngoài - nơi mà pháp luật sở tại cho phép mang thai hộ dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện việc mang thai và sinh con. Tuy nhiên, điều này cũng chưa phải là giải pháp tối ưu bởi việc thực hiện mang thai hộ ở nước ngoài ẩn chứa rất nhiều rủi ro như người mang thai hộ không giao con; hoặc nếu có giao con thì việc giải quyết mối quan hệ nhân thân giữa đứa trẻ được sinh ra và cặp vợ chồng mang thai hộ khi trở về nước cũng không hề đơn giản... Như vậy, việc cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã tạo ra hy vọng cuối cùng cho những cặp vợ chồng vô sinh khi họ đã thực hiện tất cả các biện pháp có thể chỉ với một mong muốn có được đứa con có cùng huyết thống với chính mình. Đây là một nguyện vọng chính đáng của một số người kém may mắn trong xã hội không có cơ hội làm cha, mẹ. Do đó, cho phép mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một bước tiến quyết liệt nhưng cũng đầy chất nhân văn trong chính sách pháp luật của Nhà nước ta đối với các trường hợp hiếm muộn con, thể hiện cái nhìn đầy tính nhân đạo của Nhà nước

<sup>4</sup> Xem Khoản 1 Điều 6 Nghị định 12/2003/NĐ-CP ngày 12/3/2003 về việc sinh con theo phương pháp khoa học.

<sup>5</sup> Theo Khoản 23 Điều 3 Luật HN&GD 2014: “*Mang thai hộ vì mục đích thương mại là việc một người phụ nữ mang thai cho người khác bằng việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để được hưởng lợi về kinh tế hoặc lợi ích khác*”.

và xã hội trước các hoàn cảnh cần được bảo vệ. Bởi suy cho cùng, pháp luật không chỉ là công cụ pháp lý phục vụ cho số đông mà còn là cân cân bảo vệ cho số ít người yếu thế trong cộng đồng. Điều này cũng tạo ra hành lang pháp lý nhằm hạn chế những tranh chấp phát sinh khi tình trạng mang thai hộ vẫn tồn tại tương đối phổ biến nhưng lại thiếu sự điều chỉnh của pháp luật và cơ chế giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cho phép “mang thai hộ” đối với một số đối tượng có chỉ định để bảo đảm quyền làm mẹ chính đáng của mọi phụ nữ và người mang thai hộ không vì mục đích lợi nhuận. Bản chất mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là hết sức nhân văn vì đó là một sự hỗ trợ và giúp đỡ của người phụ nữ này đối với người phụ nữ khác để sinh ra những đứa trẻ, đem lại cơ hội làm cha mẹ cho các cặp vợ chồng tương chừng như bất lực trước nỗ lực sinh con. Việc mang thai và sinh nở cũng góp phần thực hiện chức năng của gia đình nhằm duy trì nòi giống, gắn kết và giữ gìn hạnh phúc mỗi gia đình. Bởi vì, con cái là động lực để cha mẹ làm việc tốt hơn, sống có trách nhiệm hơn, góp phần vào sự ổn định, phồn vinh của xã hội.

## **2. Quy định của pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo dưới góc độ bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực dân sự**

Bên cạnh quy định về mục đích của việc mang thai hộ chỉ được pháp luật công nhận và bảo vệ khi nó hoàn toàn chỉ đơn thuần mang tính chất nhân đạo, pháp luật Việt Nam hiện hành cũng cụ thể hóa vấn đề này bằng cách quy định rõ ràng các nội dung pháp lý nhằm hạn chế tối đa việc thực hiện mang thai hộ vì mục đích thương mại có khả năng phát sinh. Theo đó, chủ thể tham gia việc thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo bao gồm bên nhờ mang thai và bên được nhờ mang thai phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật HN&GD. Đồng thời, các quy định của các văn bản pháp luật có liên quan cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp. Dưới góc độ bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực dân sự, các quy định trong các văn bản pháp quy này thể hiện rõ yêu cầu về việc tôn trọng và bảo vệ một cách cao nhất vấn đề nhân quyền trong rất nhiều lĩnh vực đối với các chủ thể tham gia.

*Thứ nhất*, bảo vệ quyền lợi của bên nhờ mang thai trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là cặp vợ chồng vô sinh<sup>6</sup> mà người vợ không có khả năng mang thai và sinh con mặc dù đã áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nhưng vẫn không có được đứa con mang huyết thống của mình. Về mặt nguyên tắc, bên nhờ mang

---

<sup>6</sup> Xem Điều 3 Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28/1/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, sử dụng thuật ngữ cặp vợ chồng vô sinh là chủ thể có quyền thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là không thống nhất với các quy định khác của Nghị định này. Bởi lẽ, khái niệm vô sinh được đề cập tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định 10/2015/NĐ-CP là “*tình trạng vợ chồng sau một năm chung sống có quan hệ tình dục 2 - 3 lần/tuần, không sử dụng biện pháp tránh thai mà người vợ vẫn không có thai*”. Song, đối với chủ thể nhờ mang thai hộ thì có thể họ không rơi vào tình trạng “*vô sinh*” nhưng vẫn không thể có con do người vợ bị bệnh tim hoặc các bệnh khác mà bác sĩ chỉ định không thể mang thai thì vẫn có thể thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

thai được xác định là cha, mẹ của đứa trẻ được sinh ra<sup>7</sup>. Thực tiễn cho thấy rằng, trước đây khi pháp luật Việt Nam chưa cho phép mang thai hộ dưới bất kỳ hình thức nào, các chủ thể tham gia vào việc mang thai hộ chủ yếu thông qua các thỏa thuận hoặc hợp đồng. Nhiều trường hợp trong số đó, sau thời gian dài mang thai và sinh con, người phụ nữ được nhờ mang thai phát sinh tình cảm với đứa trẻ, không muốn giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Trong trường hợp này, chủ thể nhờ mang thai không thể sử dụng bất kỳ biện pháp nào để có thể tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Vì thế, quy định này nhằm bảo vệ quyền của bên nhờ có thể nhận là được đứa con mang huyết thống của mình. Trong trường hợp vì lý do nào đó mà bên mang thai hộ không giao con, bên nhờ mang thai hộ có quyền khởi kiện tại Tòa án.<sup>8</sup> Quy định này nhằm ràng buộc cả bên nhờ và được nhờ mang thai hộ đối với trách nhiệm giao con, bảo đảm quyền làm cha mẹ của cặp vợ chồng vô sinh được bảo vệ tối đa.

*Thứ hai*, bảo vệ quyền lợi của bên được nhờ mang thai trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ<sup>9</sup>. Người thân thích cùng hàng bao gồm những người sau: anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của họ; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha với họ<sup>10</sup>. Trong giai đoạn mang thai hộ thì người mang thai hộ được xem như là mẹ đẻ của đứa bé vì đứa trẻ phụ thuộc chủ yếu vào người mang thai hộ nên họ phải có nghĩa vụ chăm sóc và nuôi dưỡng đứa bé như chính con của mình để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho đứa bé, tránh gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe đứa trẻ. Điều này nhằm đảm bảo tốt nhất việc đứa bé được chăm sóc đầy đủ trước khi được giao cho bên nhờ mang thai hộ. Theo quy định tại Điều 97 của Luật HN&GD 2014, người mang thai hộ phải tuân thủ các điều kiện về việc thăm khám bệnh giúp đứa trẻ phát triển bình thường để có thể kịp thời phát hiện và điều trị một cách hiệu quả nhất khi có bất thường xảy ra, hạn chế những hậu quả không mong muốn xảy ra. Trong trường hợp vì lý do sức khỏe, tính mạng của mình hoặc sự phát triển của thai nhi người mang thai hộ có quyền quyết định về việc tiếp tục mang thai phù hợp với quy định của pháp luật về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Như vậy, người được nhờ mang thai hộ và chồng của người đó có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc nuôi dưỡng con. Luật HN&GD 2014 cũng đã quy định rất chi tiết về thời điểm chấm dứt quyền, nghĩa vụ chăm sóc con như cha mẹ của cặp vợ chồng được nhờ mang thai hộ là từ thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Đây là một quy định hợp lý, đảm bảo tính nhân văn, quy định này sẽ đảm bảo tốt về sức khỏe cho những đứa trẻ vừa được sinh ra, tránh những trường hợp bên nhờ mang thai hộ không quan tâm chăm sóc vì cho đó không phải là

<sup>7</sup> Xem Điều 94 Luật HN&GD 2014.

<sup>8</sup> Xem Khoản 5 Điều 98 Luật HN&GD 2014.

<sup>9</sup> Xem Điểm a Khoản 3 Điều 95 Luật HN&GD 2014.

<sup>10</sup> Xem Khoản 7 Điều 2 Nghị định 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

con đẻ của mình sẽ dẫn đến những hậu quả không tốt cho đứa trẻ hoặc ngược lại bên nhờ mang thai hộ ngăn cản việc chăm sóc sức khỏe cho đứa trẻ từ phía người được nhờ mang thai dù người này có đủ các điều kiện tốt nhất để chăm sóc cho trẻ sơ sinh như nguồn sữa mẹ.

*Thứ ba*, bảo vệ quyền lợi của đứa trẻ được sinh ra từ việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Trong bất kỳ quan hệ pháp luật nào, trẻ em luôn là đối tượng cần được quan tâm đặc biệt. Những đứa trẻ được sinh ra từ quan hệ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó. Vì vậy, việc thiết lập những thiết chế nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của trẻ em là hết sức cần thiết. Theo đó, Khoản 3 Điều 98 Luật HN&GD 2014 quy định: *“Bên nhờ mang thai hộ không được từ chối nhận con. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chậm nhận con hoặc vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật này và bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan; nếu gây thiệt hại cho bên mang thai hộ thì phải bồi thường.”* Quy định này là hoàn toàn hợp lý và đảm bảo tính nhân văn. Bởi lẽ, với nghĩa vụ pháp định như trên, bên nhờ mang thai hộ không được từ chối nhận đứa trẻ được sinh ra vì bất kỳ lý do gì, ngay cả khi quá trình mang thai hộ gặp rủi ro như đứa trẻ được sinh ra bị tật nguyền, down hay những hạn chế về thể trạng khác... Bởi trên thực tế, không phải thai nhi nào được hình thành cũng dự liệu được hết những dị tật bẩm sinh có thể gặp phải, kể cả sinh sản tự nhiên. Đối với những trường hợp đó, rất nhiều cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ đã không muốn nhận con. Bên được nhờ mang thai cũng không muốn nuôi con. Vậy, những đứa trẻ sẽ không nhận được sự quan tâm, chăm sóc vì sự đùn đẩy trách nhiệm của các bên. Do đó, sự ràng buộc về mặt pháp lý này là một trong những cơ sở đảm bảo vững chắc quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của những đứa trẻ được sinh ra. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng, theo pháp luật Việt Nam hiện hành việc quy định nghĩa vụ nhận con đối với bên nhờ mang thai hộ là *“bất di bất dịch”* cũng có mặt trái của nó. Bởi lẽ, nếu đứa trẻ được sinh ra rơi vào trường hợp như vừa phân tích trên mà bên nhờ mang thai không muốn nhận con nhưng người được nhờ mang thai hộ lại muốn nhận nuôi thì các bên có thể chuyển quyền làm cha mẹ từ người nhờ mang thai hộ sang người mang thai hộ được không? Theo quy định trên, điều này là không thể. Vậy nếu bản thân bên nhờ mang thai không muốn nhận con thì liệu rằng đứa trẻ được sinh ra có thể nhận được sự chăm sóc tốt nhất? Trong khi đó, người mang thai hộ lại tha thiết được làm cha mẹ thì pháp luật không cho phép chuyển giao để đứa trẻ có thể nhận được sự yêu thương và chăm sóc tốt nhất.<sup>11</sup> Do đó, thiết nghĩ pháp luật về HN&GD cần có sự bổ sung quy định theo hướng cho

---

<sup>11</sup> Pháp luật Vương quốc Anh thừa nhận tính hợp pháp của việc chuyển quyền làm cha mẹ từ người đẻ thuê sang cặp vợ chồng nhờ đẻ thuê, quan hệ cha mẹ được thiết lập bằng quyết định của Tòa án sau khi đứa trẻ ra đời. Như vậy, mặc dù đứa trẻ được thụ tinh nhân tạo mang huyết thống của một người hay cả hai vợ chồng người nhờ mang thai hộ thì người đẻ thuê vẫn được công nhận là mẹ của đứa trẻ cho đến khi nó ra đời. Sáu tuần sau khi đứa trẻ ra đời, cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ sẽ nộp đơn xin “*Án lệnh nuôi dạy con*” (parental Order) để Tòa án thông qua. Chỉ lúc này, cặp vợ chồng mới có đầy đủ quyền làm cha, làm mẹ đối với đứa trẻ được mang thai hộ. - Xem thêm, Lê Thị Thủy, *Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo pháp luật Việt Nam dưới góc độ so sánh*, Khóa luận tốt nghiệp - Trường Đại học Luật, Đại học Huế, 2016

phép sự chuyển giao quyền làm cha mẹ nếu các bên có thỏa thuận. Sự thỏa thuận này phải được Tòa án cho phép nếu có cơ sở để xác định rằng việc chuyển giao là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ. Có như vậy, chúng ta mới có thể bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của trẻ em được sinh ra từ quan hệ pháp luật đặc biệt này.

### 3. Kết luận

Mang thai hộ là một vấn đề rất nhạy cảm, phức tạp liên quan đến nhiều khía cạnh, đạo đức, xã hội và pháp lý. Quy định của pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo với ý nghĩa nhân văn sâu sắc của nó là một trong những công cụ hiệu quả nhằm đảm bảo quyền con người nói chung và quyền con người trong lĩnh vực dân sự nói riêng. Quy định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đã mở ra nhiều cánh cửa mới cho các cặp vợ chồng vô sinh, hiếm muộn có thể thỏa mãn khát vọng làm cha, làm mẹ của mình. Tuy nhiên, để quy định về mang thai hộ phát huy được ý nghĩa nhân đạo của nó trong đời sống thực tiễn thì hệ thống pháp luật cần nhìn nhận dưới mọi khía cạnh để có cái nhìn bao quát nhất, đảm bảo thực thi trong thực tế đem lại hiệu quả tốt nhất, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp (2014), *Kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề lớn được quy định trong Luật HN&GD (sửa đổi), Hồ sơ dự án Luật Hôn nhân và gia đình 2014*.

2. Lê Thị Thủy (2016), *Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo pháp luật Việt Nam dưới góc độ so sánh*, Khóa luận tốt nghiệp - Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

3. Huỳnh Thị Trúc Giang (2015), *Vài suy nghĩ về mang thai hộ trong luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*.

file:///C:/Documents%20and%20Settings/Garena/My%20Documents/Downloads/01-PLHUYNH%20THI%20TRUC%20GIANG(1-10).pdf, truy cập ngày 29/10/2015.

4. Ngô Thị Anh Vân (2017), *Xác định quan hệ cha mẹ, con khi có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ và việc xử lý hậu quả*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 13 (341), tháng 7/2017, tr.47 - 55.

5. Hồ Mạnh Tường, *Mang thai hộ - những điều cần biết*, <https://vov.vn/suc-khoe/mang-thai-ho-nhung-dieu-can-biet-343589.vov>, truy cập ngày 06/8/2014.